

Số:10/2025/QĐST-HNGĐ

L, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025, về việc “tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị H T T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Khu Phú Sơn, xã S, huyện L, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thắm- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp nhà nước tỉnh T.

- *Bị đơn*: Anh L S T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Khu Ao Bon, xã S, huyện L, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Đỗ Hồng Nhung- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp nhà nước tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị H T T và anh L S T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung*: Chị H T T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là L H A, sinh ngày 13/3/2013 và L G B, sinh ngày 26/11/2015. Anh L S T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 3 năm 2025, kể từ khi ly hôn đến khi con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được.

Anh Thắng được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung, chị Thái cùng các thành viên gia đình không được cản trở.

2.2. *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp:* Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về án phí:* Chị H T T và anh L S T đều là người dân tộc thiểu số, ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, đều có đơn xin miễn án phí nên họ được miễn án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- Thi hành án DS huyện L;
- UBND xã S;
- Lưu HS;
- Lưu VP./.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thảo